

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 495/2019/DS-PT

Ngày: 29 - 5 - 2019

V/v Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ
do người chết để lại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Ông Nguyễn Ngọc Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà L Hỷ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tào Minh Quân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 537/2018/TLPT-DS ngày 01/11/2018 về việc “Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2018/DS-ST ngày 24/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2081/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Ông Phan Quốc D, sinh năm 1970; cư trú tại: Số 103 đường Đ, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Những người thừa kế của ông Nguyễn Văn M (chết ngày: 24/5/2017) bao gồm:

- 1/ Ông Nguyễn Thành L; sinh năm: 1967;
- 2/ Ông Nguyễn Thành S; sinh năm: 1959;
- 3/ Ông Nguyễn Thành H; sinh năm: 1964;
- 4/ Ông Nguyễn Thành T; sinh năm: 1969;
- 5/ Bà Nguyễn Thị Thu V; sinh năm: 1971;
- 6/ Bà Nguyễn Thị Thu L1; sinh năm: 1972;
- 7/ Bà Nguyễn Thị Thu T1; sinh năm: 1975;
- 8/ Bà Nguyễn Thị Thu N; sinh năm: 1977;

9/ Ông Nguyễn Thành T2; sinh năm: 1979;

Cùng cư trú tại: Số 328 Đường N, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

10/ Bà Nguyễn Thị Thu H1; sinh năm: 1965; cư trú tại: Số 60/3 Đường K, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của ông S, ông H, bà H1, ông T, bà V, bà L1, bà Thanh, bà N, ông T2: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1967; Cư trú tại: Số 328 Đường N, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số công chứng 000016006 ngày 20/7/2017 lập tại Văn phòng công chứng Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Thành L: Ông Phạm Bá T3, sinh năm 1967 - Luật sư của Công ty G thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ sở tại: Số 168 Đường B, phường L, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Minh L2; địa chỉ liên hệ tại: Số 168 Đường B, phường L, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 5077/UBND-GUQ lập ngày 12/12/2017) (có đơn xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thành L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Phan Quốc D có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T4 trình bày:

Do mối quan hệ hàng xóm nên ông M có tự nguyện thỏa thuận với ông D về việc ông sẽ liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để tăng giá trị bồi thường thiệt hại đối với hồ sơ bồi thường của ông Nguyễn Văn M. Ngày 16/6/2015, ông Nguyễn Văn M và ông D cùng ký hợp đồng dịch vụ theo đó ông D là người nhận công việc, ông M là người giao việc. Công việc cụ thể là lo thủ tục liên hệ các cơ quan chức năng để xác lập hồ sơ tăng giá trị bồi thường thiệt hại đền bù giải tỏa tại địa chỉ số 320A Đường N, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Hai bên thỏa thuận thù lao là 50% giá trị tăng tiền bồi thường đối với hồ sơ bồi thường của ông Nguyễn Văn M. Ngày 25/8/2015, ông M ủy quyền cho ông D. Khi các bên thỏa thuận theo các hợp đồng trên, ông M đã tự nguyện bàn giao mặt bằng và về quê sinh sống không hề khiếu nại đối với hồ sơ bồi thường mà chỉ mong muốn ông D sẽ liên hệ các cơ quan chức năng để tăng giá trị bồi thường. Từ khi ông M ủy quyền, ông D đã cố gắng liên hệ rất nhiều cơ quan để cố gắng tăng mức bồi thường đối với hồ sơ của ông Nguyễn Văn M. Ông thường xuyên báo cáo tình hình và tiến độ về việc bồi thường với ông Nguyễn Văn M hoặc ông Nguyễn Thành L từ năm 2015 cho đến khi có Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung đối với hộ ông M với tổng bồi thường hỗ trợ bổ sung là 857.276.237 đồng. Về tái định cư: Đủ điều kiện

tái định cư. Trường hợp không đăng ký tái định cư thì được hỗ trợ chi phí đầu tư hạ tầng/m² là 97.400.000 đồng.

Đến ngày 24/5/2017 ông M mất. Ông đã rất nhiều lần liên hệ để nhận tiền thù lao theo hợp đồng dịch vụ ngày 16/6/2015 nhưng những người con ông M vẫn không thực hiện. Ngoài những người con của ông M đã tham gia tố tụng, ông D không rõ ông M còn có những người con nào khác. Ông D yêu cầu những người thừa kế của ông M phải thực hiện theo hợp đồng dịch vụ là chia 50% giá trị tiền bồi thường đối với hồ sơ bồi thường ông Nguyễn Văn M địa chỉ số 320A Đường N, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể là phải trả cho ông D 50% giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung theo Quyết định 2197/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của Ủy ban nhân dân Quận B với số tiền là 428.638.118 Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn M có những người thừa kế là ông Nguyễn Thành L, Nguyễn Thành S, Nguyễn Thành H, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Thị Thu T1, Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Thành T2 có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành L trình bày:

Căn nhà và đất số 320 Đường N, phường Đ, Quận B là của ông Nguyễn Văn M. Khi Nhà nước giải tỏa ông M đã bàn giao mặt bằng và nhận tiền bồi thường. Riêng việc tái định cư không có quỹ đất nên Ủy ban nhân dân Quận B bảo gia đình ông M chờ. Việc ông M ký hợp đồng dịch vụ ngày 16/6/2015 với ông D tất cả những người trong gia đình đều biết rõ. Chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Văn M trong hợp đồng dịch vụ ngày 16/6/2015 là chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Văn M. Về nội dung hợp đồng dịch vụ ngày 16/6/2015 mà ông M ký là đúng thực tế nhưng ông D nói riêng với ông M và gia đình là sẽ làm tăng thêm một suất tái định cư chứ không phải là tăng tiền thêm bồi thường. Tại Tòa ông L xác định ông M hoặc ông là người theo dõi thường xuyên về tiến độ hồ sơ bồi thường của ông Nguyễn Văn M. Nay ông D đã không làm tăng thêm một tiêu chuẩn tái định cư như đã hứa và cũng không chứng minh được ông D đã có công sức đóng góp đối với hợp đồng dịch vụ đã ký với ông M nên các ông bà không đồng ý với yêu cầu của ông D. Phần tài sản trên là tài sản của cá nhân ông Nguyễn Văn M. Ngoài những người con như đã trình bày trên các ông bà không rõ ông M có còn người con riêng nào khác không.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có người đại diện theo ủy quyền là bà Phan Thị Minh L2 trình bày:

Căn nhà tại vị trí 320A, Đường N, phường Đ, Quận B do ông Nguyễn Văn M đứng tên. Theo các xác nhận pháp lý số 89/UBND-XN, số 176/UBND-XN, số 05/GXN-UBND, số 256/GXN-UBND Ủy ban nhân dân Quận B đã ban hành Quyết định số 503/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tổng số tiền là 3.334.172.190 đồng. Ông M nhận số tiền trên vào ngày 17/2/2009. Ngày 23/2/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 1156/QĐ-UBND bồi

thường, hỗ trợ bổ sung với số tiền là 2.388.443.388 đồng do Quyết định bồi thường trước đây bồi thường thiếu diện tích đất của ông Nguyễn Văn M. Ông M đã nhận số tiền trên vào ngày 26/2/2009. Ngày 13/3/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 1933/QĐ-UBND về thưởng do chấp hành tốt 5.000.000 đồng. Ông M cũng đã nhận số tiền trên. Tổng số tiền bồi thường là 5.727.615.578. Ngày 22/5/2017, Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 2197/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung với số tiền 857.276.237 đồng. Về tái định cư đủ điều kiện tái định cư. Trường hợp không đăng ký tái định cư thì được hỗ trợ chi phí đầu tư hạ tầng là 97.400.000 đồng. Ngày 08/5/2017, Ủy ban nhân dân Quận B đã tiếp xúc với đại diện theo ủy quyền của ông M là ông D đồng ý nhận số tiền trên. Việc tranh chấp giữa ông Phan Quốc D và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Nguyễn Văn M là giao dịch dân sự không thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Quận B. Vì vậy, Ủy ban nhân dân Quận B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2018/DS-ST ngày 24/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

- Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

- Căn cứ Điều 518, Điều 519, Điều 520, Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Quốc D về việc yêu cầu Tòa án buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Nguyễn Văn M gồm các ông bà: Nguyễn Thành L, Nguyễn Thành S, Nguyễn Thành H, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Thị Thu T1, Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Thành T2 phải trả cho ông Phan Quốc D số tiền 50% giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung theo Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của Ủy ban nhân dân Quận B cụ thể là 428.638.118 (bốn trăm hai mươi tám triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn một trăm mười tám đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự và quy định về thi hành án.

Ngày 09/10/2018, ông Nguyễn Thành L nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2018/DS-ST ngày 24/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Phía bị đơn xác nhận ngày 06/6/2015 giữa ông M và ông D có ký hợp đồng dịch vụ như ông D đã cung cấp cho tòa án. Hợp đồng dịch vụ giữa ông D và ông M ngày 16/6/2015 các con của ông M đều biết và không có ý kiến gì. Chữ ký và chữ viết tên ông Nguyễn Văn M trong hợp đồng dịch vụ là chữ ký và chữ viết của ông M. Tuy nhiên, khi ký hợp đồng dịch vụ ông D hứa miệng sẽ giúp ông M được tăng thêm một suất tái định cư so với quy định nhưng ông D không thực hiện. Số tiền bồi thường tăng thêm 857.276.237 đồng theo Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của Ủy ban nhân dân Quận B là số tiền ông M đương nhiên được hưởng theo chính sách của nhà nước đã có từ trước khi ông M ký hợp đồng dịch vụ với ông D ngày 16/6/2015. Ông D không có hành động gì tác động đến Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận B làm tăng số tiền bồi thường như đã thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ. Ông D chỉ đại diện cho ông M ký các giấy tờ với cơ quan nhà nước theo hợp đồng ủy quyền đã ký với ông D ngày 05/8/2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn - ông Phan Quốc D trình bày:

Ông D không hứa sẽ lo cho ông M được thêm một suất tái định cư ngoài suất tái định cư theo quy định pháp luật ông M được hưởng (nếu có quỹ đất). Sau khi ký hợp đồng dịch vụ, ông M đã ký hợp đồng ủy quyền cho ông D thay mặt ông M liên hệ các cơ quan chức năng lo thủ tục pháp lý xác lập hồ sơ tăng giá trị bồi thường nguồn gốc đất đai tại số 320A Đường N, phường Đ, Quận B để tính lại giá trị bồi thường cho hộ ông M. Ông D đã nhiều lần liên hệ với cơ quan Thanh tra Quận B, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về trường hợp bồi thường tái định cư của ông M nhưng những lần làm việc này đều không lập biên bản. Ông D cũng đã tìm hiểu, thu thập các văn bản pháp luật liên quan để đề nghị Ủy ban nhân dân Quận B xem xét. Ủy ban nhân dân Quận B chỉ xem xét 4 trường hợp trong đó có trường hợp của ông M chứ không áp dụng rộng rãi cho tất cả những hộ dân nằm trong khu

dự án Đường N. Ông D cũng đã thay mặt ông M tiếp xúc hiệp thương về giá trị đất bồi thường tăng thêm. Ông M và các con ông M không nắm rõ các quy định pháp luật về bồi thường và không có thời gian nên đã ký hợp đồng dịch vụ và kết quả là ông M đã được tăng thêm số tiền bồi thường 857.276.237 đồng. Sau khi có quyết định bồi thường bổ sung tăng thêm ông M mất nên những người thừa kế của ông M phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông D 50% giá trị hỗ trợ bồi thường bổ sung theo Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 là 428.638.118 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở phúc thẩm như sau:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thời hạn kháng cáo: Đơn khởi kiện của bị đơn trong hạn luật định nên chấp nhận.

- Về tư cách tham gia tố tụng của các chủ thể tham gia tố tụng: Tòa sơ thẩm xác định ông Nguyễn Văn M là bị đơn là chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị xác định lại những người thừa kế của ông M là bị đơn trong vụ án.

- Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện những người thừa kế của ông M pH có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn 50% giá trị bồi thường tăng thêm 428.638.118 đồng theo hợp đồng dịch vụ ký ngày 16/6/2015 giữa ông D và ông M. Tòa sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp Hợp đồng dịch vụ là không chính xác. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa lại quan hệ tranh chấp là tranh chấp về việc thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm về tư cách tham gia tố tụng của bị đơn và quan hệ tranh chấp, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thành L trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân Quận B yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân Quận B.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 10/10/2017 của nguyên đơn và các biên bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn - ông Phan Quốc D đều xác định ông khởi kiện yêu cầu những người thừa kế của ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng dịch vụ giữa ông D và ông M ký ngày 16/6/2015 cụ thể trả cho ông D số tiền 50% giá trị bồi thường bổ sung tăng thêm theo Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của Ủy ban nhân dân Quận B là 428.638.118 đồng.

Căn cứ trích lục khai tử số 447/TLKT-BS ngày 16/6/2017 của Ủy ban nhân dân phường Ninh Thạnh, thành phố N1, tỉnh N1 thì ông Nguyễn Văn M, sinh ngày: 05/5/1936, đã chết vào ngày 24/5/2017.

Như vậy, ông M chết trước khi ông D nộp đơn khởi kiện. Tòa sơ thẩm xác định bị đơn là ông Nguyễn Văn M (đã chết) và đưa những người thừa kế của ông M vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn M là không chính xác. Do đó Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tố tụng cụ thể xác định bị đơn là những người thừa kế của ông Nguyễn Văn M bao gồm các ông bà: Nguyễn Thành L, Nguyễn Thành S, Nguyễn Thành H, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Thị Thu Thanh, Nguyễn Thị Thu N và Nguyễn Thành T2.

[4] Về quan hệ tranh chấp:

Tại đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Phan Quốc D yêu cầu những người thừa kế của ông Nguyễn Văn M pH thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông D số tiền 428.638.118 đồng theo hợp đồng dịch vụ đã được ký kết giữa ông D và ông M ngày 16/6/2015 khi ông M còn sống. Đây là quan hệ tranh chấp “Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”. Tòa sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hợp đồng dịch vụ là không chính xác, cần rút kinh nghiệm.

[5] Về nội dung:

- Xét kháng cáo của bị đơn do ông Nguyễn Thành L làm đại diện:

Ngày 16/6/2015, ông Nguyễn Văn M và ông Phan Quốc D tự nguyện thỏa thuận và thống nhất ký hợp đồng dịch vụ với nội dung: “...Bên A nhờ bên B lo thủ tục pháp lý liên hệ các cơ quan chức năng để xác lập hồ sơ tăng giá trị bồi thường thiệt hại về nguồn gốc đất đai tại địa chỉ số 320A Đường N, phường Đ, Quận B để tính lại giá bồi thường cho mảnh đất trên, chênh lệch sau khi tính lại sẽ được chia đều 50/50 cho cả hai bên... Sau khi Ủy ban nhân dân có quyết định bồi thường M, bên A nhận tiền ở ngân hàng thì chi Ny cho bên B 50% số tiền được nhận (số tiền chênh lệch so với quyết định đền bù cũ).

Ngày 25/8/2015, ông M lập hợp đồng ủy quyền cho ông D thay mặt ông M liên hệ với cơ quan chức năng để thực hiện thủ tục pháp lý bồi thường bổ sung cho ông M.

Hợp đồng dịch vụ và hợp đồng ủy quyền nêu trên giữa ông D và ông M được những người thừa kế của ông M xác nhận là có thật và các bên ký hợp đồng hoàn toàn tự nguyện.

Ngày 14/02/2017, Ủy ban nhân dân Quận B có Tờ trình số 190/Ttr-BBT về việc đề nghị Hội đồng bồi thường dự án mở rộng Đường N giai đoạn 2 xem xét đối với 4 trường hợp trong đó có trường hợp của ông Nguyễn Văn M.

Ngày 19/4/2017, Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Thông báo số 146/TB-HĐBT về việc kết luận của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư dự án mở rộng Đường N giai đoạn 2 thể hiện tại Điều 1: Thống nhất đề xuất của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận tại tờ trình nêu trên, giải quyết hỗ trợ đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở (40% đất ở để tính bồi thường, diện tích hỗ trợ không quá 1.000m²/hộ) cho trường hợp ông Nguyễn Văn M.

Ngày 22/5/2017, Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 2197/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với số tiền 857.276.237 đồng. Về tái định cư đủ điều kiện tái định cư thì được hỗ trợ chi phí đầu tư hạ tầng là 97.000.000 đồng.

Tại văn bản tiếp xúc hiệp tH1 về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung ngày 08/5/2017, ông D đại diện ông M đồng ý nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ tăng thêm. Ngày 24/5/2017, ông M mất (trích lục khai tử số 447/TLKT-BS ngày 16/6/2017 của Ủy ban nhân dân phường T5, thành phố N1, tỉnh N1).

Từ những chứng cứ, tài liệu nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Hợp đồng dịch vụ lập ngày 16/6/2015 giữa ông D và ông M được lập trên cơ sở tự nguyện. Ông M hoàn toàn tự nguyện khi ký hợp đồng dịch vụ và cam kết thưởng cho ông D 50% giá trị bồi thường tăng thêm sau khi Ủy ban nhân dân Quận B có quyết định bồi thường, hỗ trợ tăng thêm cho ông M. Nội dung thỏa thuận của hai bên không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Kết quả của việc thực hiện dịch vụ là Ủy ban nhân dân Quận B đã ban hành Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với số tiền 857.276.237 đồng và một suất tái định cư (nếu có quỹ đất). Tuy nhiên, ông M chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán 50% giá trị bồi thường tăng thêm cho ông D cho đến khi ông M chết (ngày 24/5/2017) và trong quá trình thực hiện hợp đồng dịch vụ, ông M cũng không có sự thay đổi nào về nội dung hợp đồng dịch vụ đã ký kết giữa hai bên. Căn cứ Điều 122, Điều 518, Điều 519, Điều 520, Điều 590, Điều 637, Tòa sơ thẩm buộc những người thừa kế của ông Nguyễn Văn M pH thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông D 50% giá trị bồi thường tăng thêm 428.638.118 đồng là có căn cứ.

Đại diện bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng số tiền bồi thường bổ sung tăng thêm theo Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của Ủy ban nhân dân Quận B là số tiền ông M đương nhiên được hưởng theo chính sách bồi thường của nhà nước có trước khi ông M ký hợp đồng dịch vụ với ông D. Ông D ký hợp đồng dịch vụ nhưng không thực hiện, không có hành động tác động nào đến Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận B để làm tăng số tiền bồi thường như đã thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ. Ông D cũng không giúp ông M được tăng thêm một suất tái định cư. Việc ngày 08/5/2017, ông D đại diện ông M hiệp thương đồng ý nhận số tiền bồi thường tăng thêm chỉ là thực hiện hợp đồng ủy quyền giữa ông D và ông M nên ông M không có nghĩa vụ thực hiện cam kết hứa thưởng 50% tiền bồi thường tăng thêm như đã hứa. Hội đồng xét xử nhận thấy tại công văn số 290/Ttr ngày 06/5/2019 của Thanh tra Ủy ban nhân dân Quận B trả lời Công văn số 1816/TATP-TLĐ ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau: “Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2015 đến tháng 5/2017, ông Phan Quốc D, sinh năm 1970; địa chỉ 1036 đường Đ, phường Đ, Quận B có đến liên hệ cán bộ tiếp dân của Thanh tra Quận B để tiếp xúc, trao đổi về hồ sơ bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với căn nhà số 320A Đường N, phường Đ, Quận B”. Mặt khác, tại nội dung hợp đồng dịch vụ lập ngày 16/6/2015 đã thỏa thuận nghĩa vụ của ông D là “Lo thủ tục pháp lý, liên hệ các cơ quan chức năng xác lập hồ sơ tăng giá trị bồi thường thiệt hại...” mà không liệt kê cụ thể công việc ông D phải thực hiện. Việc ông D liên hệ Thanh tra Ủy ban nhân dân Quận B để tiếp xúc trao đổi về hồ sơ bồi thường thiệt hại và tái định cư đối với nhà đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông M hay việc ông D đại diện ông M hiệp thương về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung ngày 08/5/2017, ông D đại diện ông M đồng ý nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ tăng thêm cũng là một trong những công việc hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ. Ông M đã biết phần đất của ông M là đất nông nghiệp xen kẽ, đang được kiến nghị để bồi thường hỗ trợ bổ sung từ năm 2011 nhưng đến năm 2015 ông M vẫn tự nguyện ký hợp đồng dịch vụ và hợp đồng ủy quyền với ông D, thỏa thuận chia giá trị tiền bồi thường tăng thêm là ý chí tự nguyện của ông M. Do đó, lời trình bày của đại diện bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Phía bị đơn cho rằng ông D có hứa miệng sẽ giúp ông M được nhận tăng thêm một suất tái định cư nhưng bị đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Lời trình bày của bị đơn không được phía nguyên đơn thừa nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về tư cách tham gia tố tụng của bị đơn và quan hệ tranh chấp, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng

trong vụ án của bị đơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.145.525 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 269; khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 122; Điều 518; Điều 519; Điều 520; Điều 590; Điều 637 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 73/2018/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Quốc D về việc yêu cầu bị đơn là những người thừa kế của ông Nguyễn Văn M trả cho ông Phan Quốc D số tiền 50% (Năm mươi phần trăm) giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung theo Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cụ thể số tiền là 428.638.118 (Bốn trăm hai mươi tám triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn một trăm mười tám) đồng.

2. Buộc những người thừa kế của ông Nguyễn Văn M gồm các ông bà: Nguyễn Thành L, Nguyễn Thành S, Nguyễn Thành H, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Thị Thu T1, Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Thành T2 có nghĩa vụ trả cho ông Phan Quốc D số tiền 50% (Năm mươi phần trăm) giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung theo Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Quận B cụ thể số tiền là 428.638.118 (Bốn trăm hai mươi tám triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn một trăm mười tám) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn - các ông bà Nguyễn Thành L, Nguyễn Thành S, Nguyễn Thành H, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Thị Thu T1, Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Thành T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.145.525 (Hai mươi một triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi lăm) đồng.

Hoàn trả lại cho ông Phan Quốc D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông D đã nộp là 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng theo Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số AE/2014/0008535 ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho các bị đơn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông Nguyễn Thành L đã nộp là 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0015728 ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh .

4. Các quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, TP.HCM;
- Các đương sự (đề thi hành);
- Lưu (T30).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thoa